CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông

Ngày 31/03/2025	27,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**-1.1%**	**-4.9%**

DT thuần
Q1/25
107
tỷ VNĐ
QoQ: ▼50.0| -31.9%
YoY: ▲ 23.7| 28.3%

LN thuần
Q1/25
10.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.1| -55.2%
YoY: ▼3.30| -23.6%

LN sau thuế
Q1/25
6.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.66| -50.5%
YoY: ▼2.58| -28.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
8.2%
YoY: +/-▼ 7.1%

ROE (TTM)
Q1/25
4.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

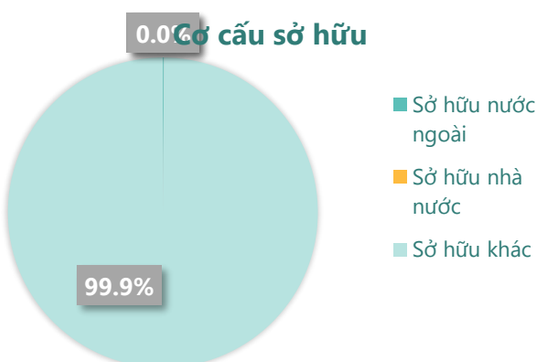
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	25,062 - 29,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,417
Số lượng CPLH (CP)	125,150,939
KLGD BQ 20 phiên (CP)	606,220
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.36
EPS	502
P/E	54.4

DT thuần
2024
611
tỷ VNĐ
YoY: ▼195| -24.2%

LN thuần
2024
114
tỷ VNĐ
YoY: ▼63.0| -35.7%

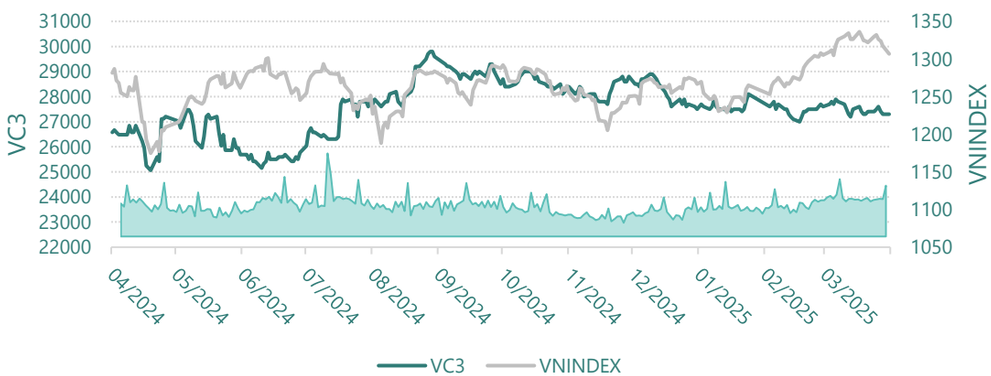
LN sau thuế
2024
65.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼75.5| -53.6%

Cơ cấu sở hữu

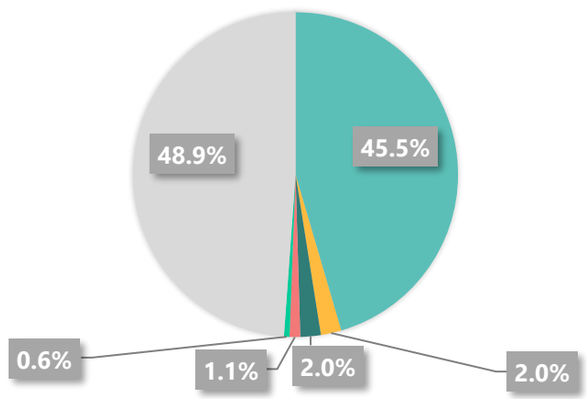


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



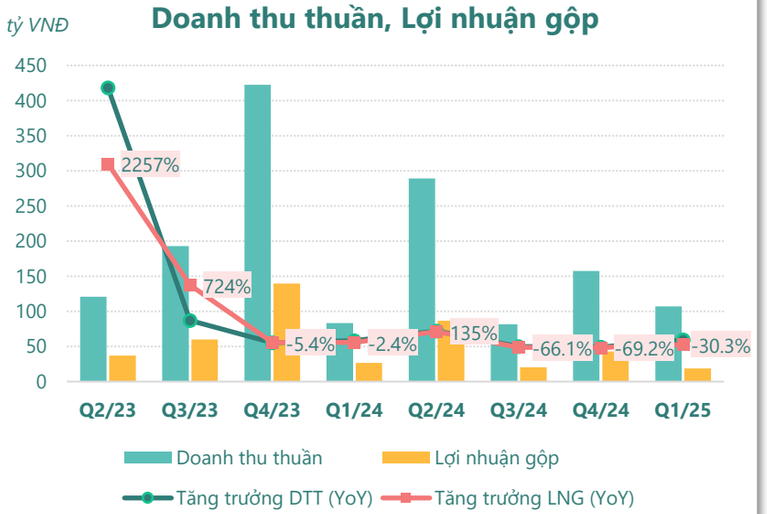
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

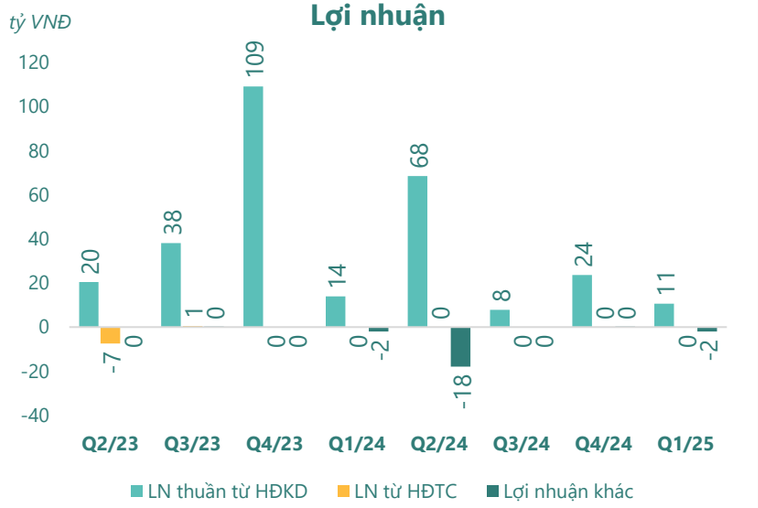
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



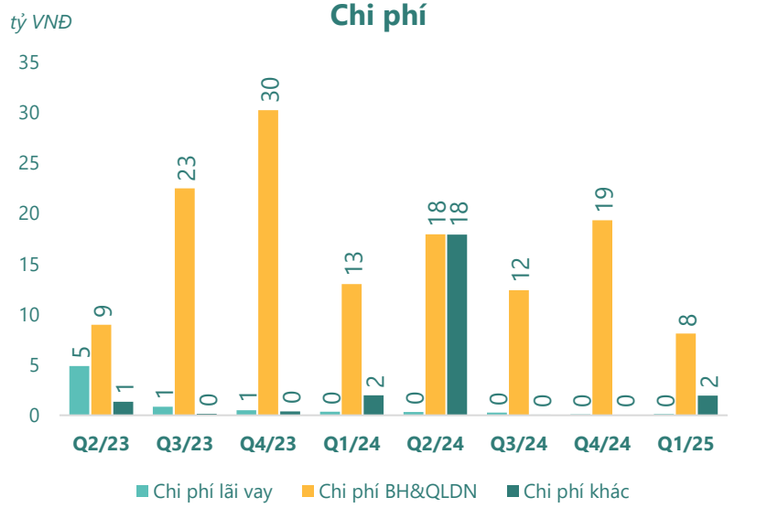
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



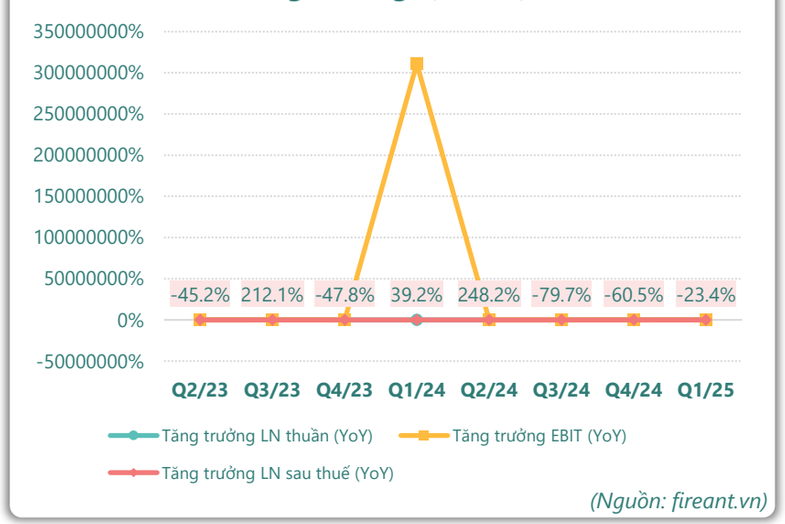
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



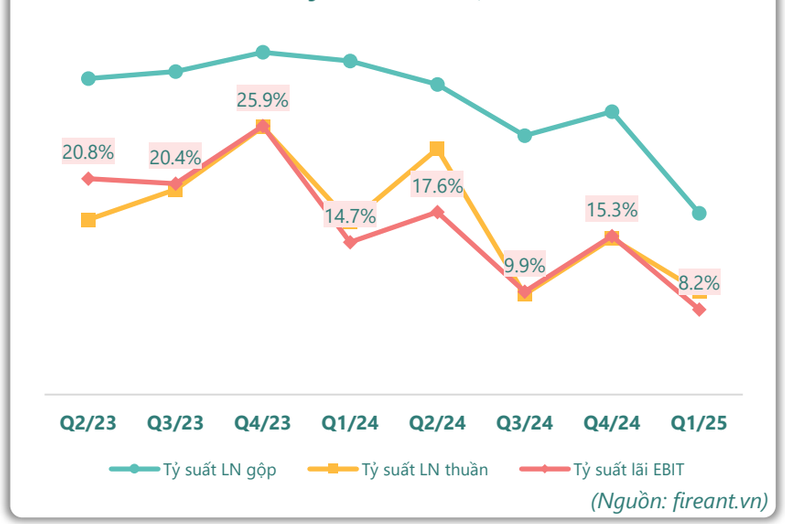
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



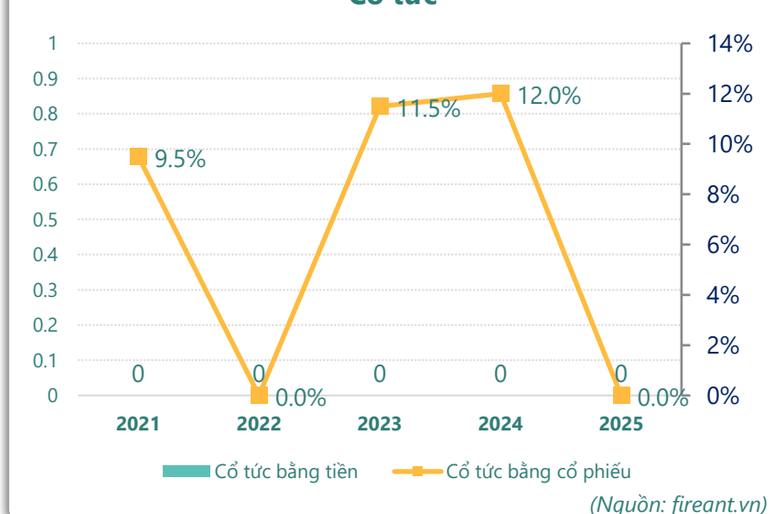
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



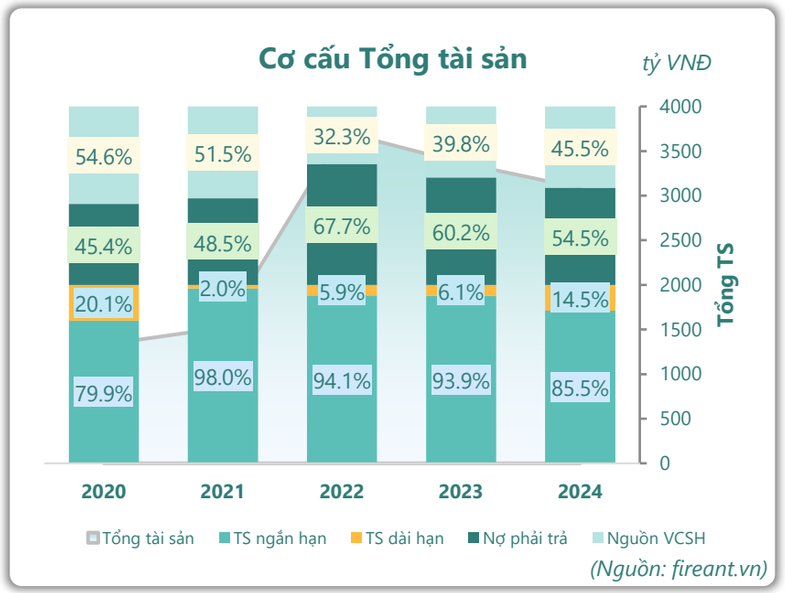
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

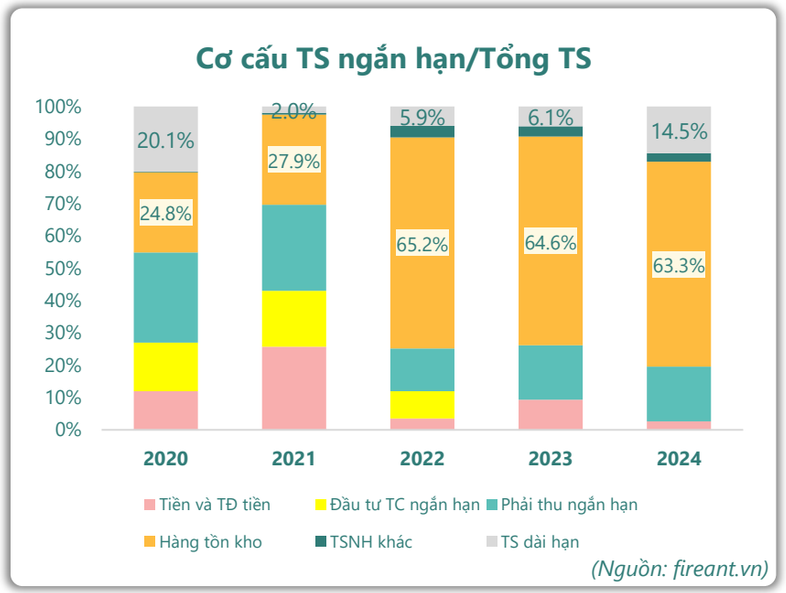


(Nguồn: fireant.vn)

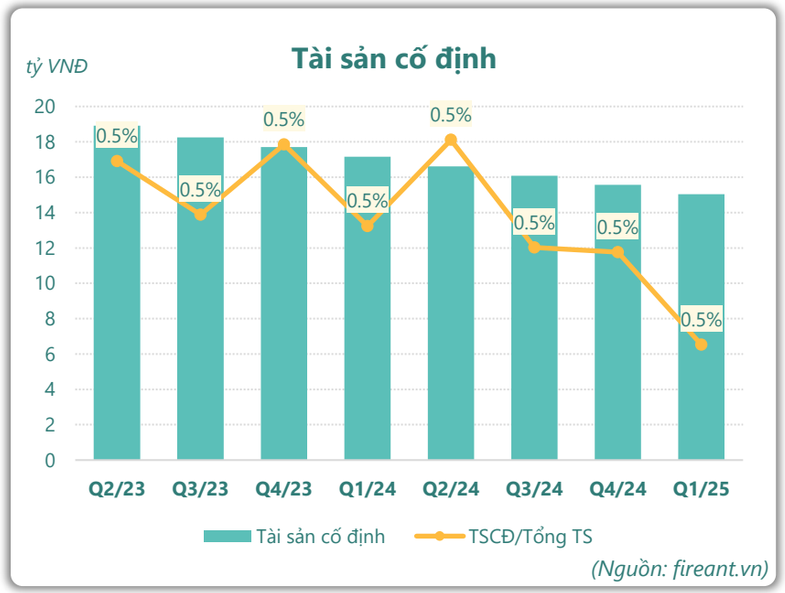
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



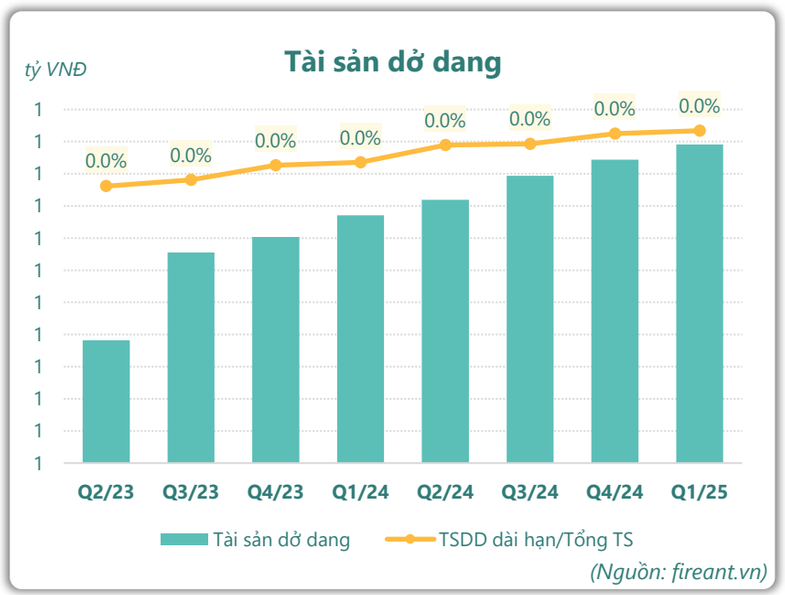
(Nguồn: fireant.vn)



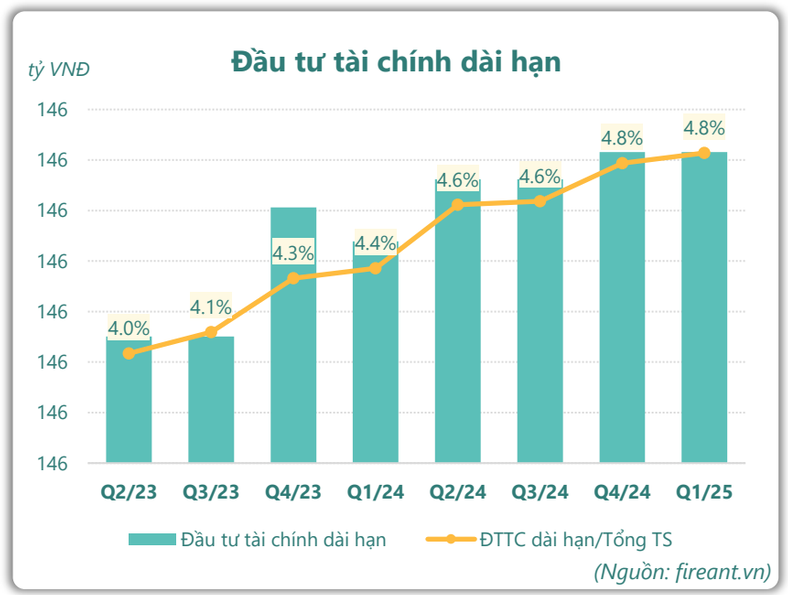
(Nguồn: fireant.vn)



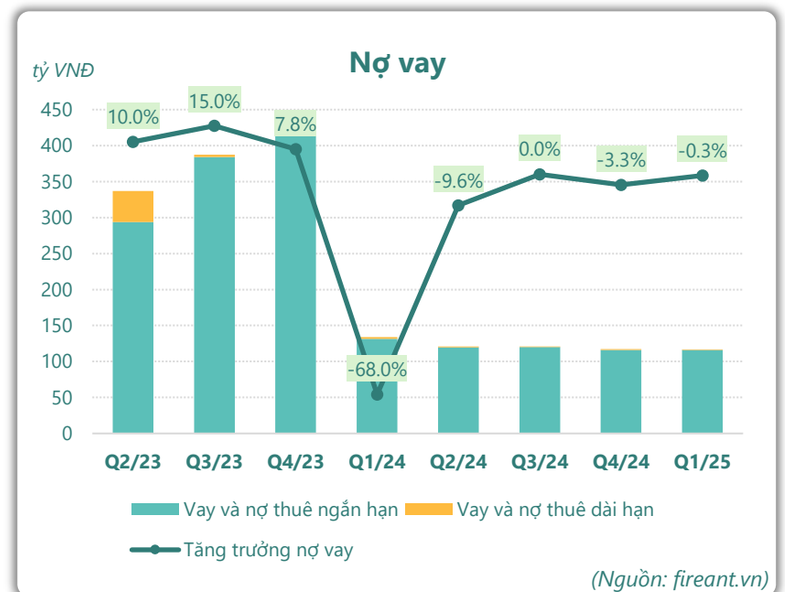
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



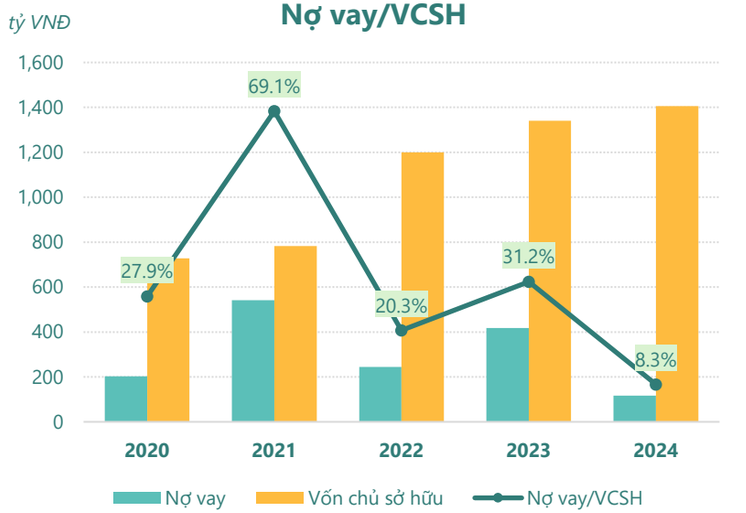
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

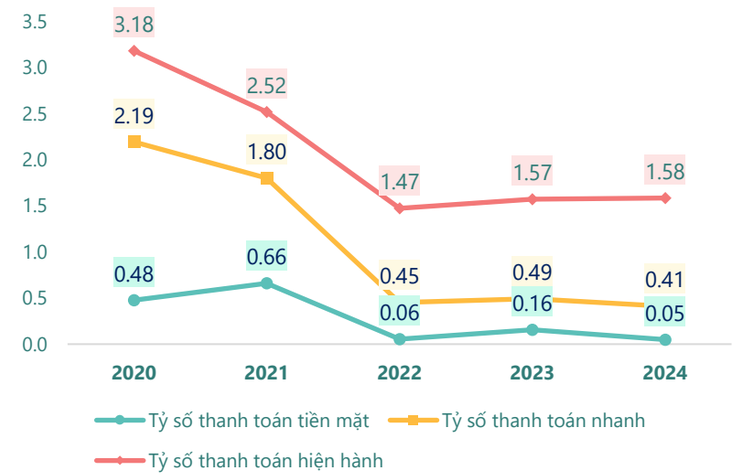
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



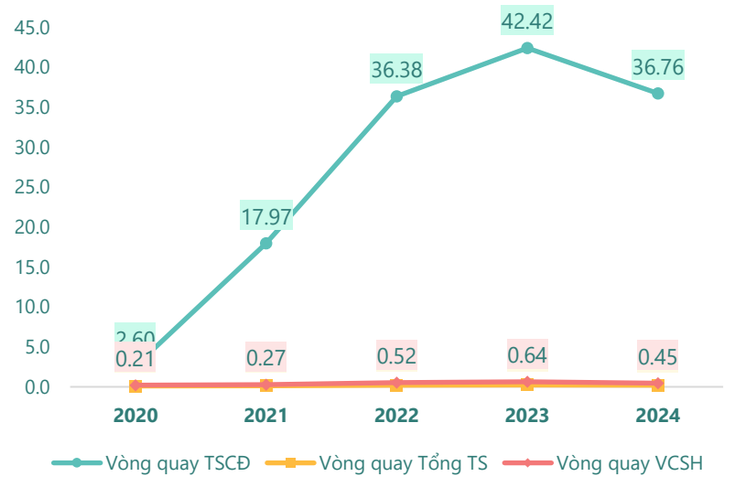
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



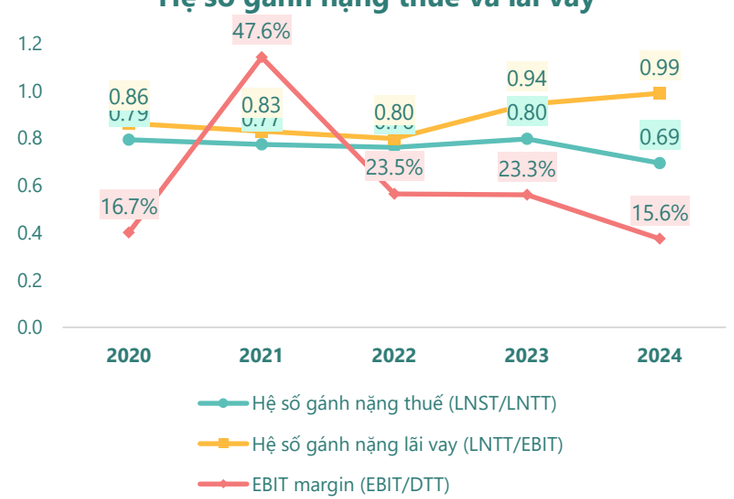
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



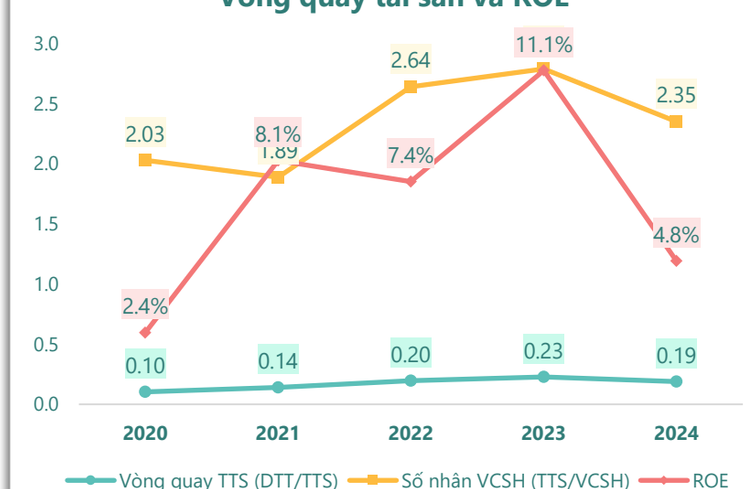
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



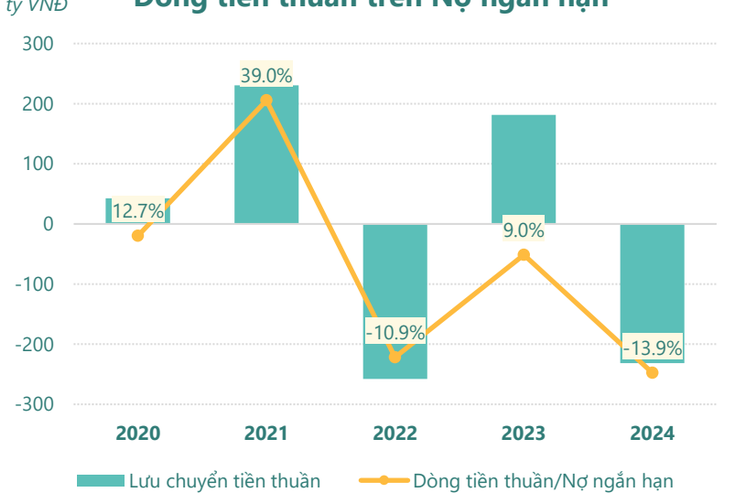
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**107**	**83.3**	**28.3%**	**611**	**806**	**-24.2%**
Giá vốn hàng bán	88.2	56.5	56.1%	435	542	-19.8%
Lợi nhuận gộp	18.7	26.8	-30.2%	177	264	-33.1%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.32	-79.6%	1.02	5.15	-80.1%
Chi phí TC	0.11	0.34	-68.4%	1.00	16.8	-94.0%
Chi phí lãi vay	0.11	0.34	-68.4%	1.00	10.8	-90.7%
LN trong công ty LKLD	**0.07**	**0.09**	**-22.8%**	**0.09**	**0.14**	**-40.4%**
Chi phí bán hàng	1.89	4.65	-59.5%	31.4	38.2	-17.6%
Chi phí QLDN	**6.21**	**8.36**	**-25.7%**	**31.3**	**37.0**	**-15.4%**
LN thuần từ HĐKD	10.6	13.9	-23.6%	114	177	-35.7%
Lợi nhuận khác	**-1.96**	**-1.98**	**0.9%**	**-19.6**	**0.04**	**-44151%**
LN trước thuế	8.66	11.9	-27.2%	94.4	177	-46.8%
Lợi nhuận sau thuế	**6.54**	**9.12**	**-28.3%**	**65.5**	**141**	**-53.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.53**	**9.12**	**-28.5%**	**65.5**	**141**	**-53.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	58.7	40.8	189	-163	133	-44.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	100	0.28	0.44	-0.09	-132	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.0	-293	-3.55	0.05	-3.94	-0.40
Tiền đầu kỳ	135	313	61.5	248	84.9	82.0
Lưu chuyển tiền thuần	**179**	**-252**	**186**	**-163**	**-2.90**	**-44.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	313	61.5	248	84.9	82.0	37.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,029**	**3,087**	**-1.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,584	2,641	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	37.7	82.0	-54.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	586	522	12.2%
Hàng tồn kho	1,882	1,955	-3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	78.8	81.4	-3.2%
Tài sản dài hạn	**445**	**446**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	268	268	0.0%
Tài sản cố định	15.0	15.6	-3.4%
Bất động sản đầu tư	11.7	12.3	-4.9%
Tài sản dở dang	0.71	0.71	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	146	146	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**3.24**	**3.25**	**-0.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,617	1,681	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**1,604**	**1,667**	**-3.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	116	116	-0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	392	414	-5.4%
Nợ dài hạn	12.7	13.6	-6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.75	0.84	-10.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,412**	**1,406**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,412**	**1,406**	**0.5%**
Vốn điều lệ	1,252	1,252	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)